

with acute coronary syndrome. International journal of cardiology. 2018. 262, p. 79-84.

5. **Peng W, et al.** Prognostic value of neutrophil gelatinase-associated lipocalin and glycosylated hemoglobin for non-ST-segment elevation myocardial infarction patients with single concomitant chronic total occlusion following primary percutaneous coronary intervention: A

prospective observational study. Medicine. 2019. 98(39), p. e16982.

6. **Liu H, et al.** Neutrophil gelatinase-associated lipocalin contributes to increased risk of cardiovascular death after acute coronary syndrome. International Journal of General Medicine. 2021, p. 4887-4895.

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH CỦA BÀ MẸ CÓ CON GÁI TRONG ĐỘ TUỔI 9 – 26 VỀ VI RÚT HPV VÀ TIÊM VACCIN HPV PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG TẠI MỘT SỐ XÃ, PHƯỜNG CỦA TỈNH NAM ĐỊNH

Đỗ Thị Mai¹, Phạm Thị Hương Xuân¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là một trong những loại ung thư phổ biến nhất ở phụ nữ và là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do ung thư tại nhiều quốc gia đang phát triển. Virus HPV là yếu tố nguy cơ chính gây bệnh, tuy nhiên việc tiếp cận và tiêm vắc-xin phòng HPV ở Việt Nam, đặc biệt trong cộng đồng, vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu nhằm đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành của bà mẹ có con gái từ 9-26 tuổi về vi rút HPV và vắc-xin HPV tại một số xã, phường năm 2024. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 384 bà mẹ có con gái từ 9-26 tuổi tại 4 xã/phường. Dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi cấu trúc, xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** có 78,1% bà mẹ biết UTCTC có thể phòng ngừa qua tiêm vắc-xin HPV, 72,9% biết HPV là yếu tố nguy cơ dẫn đến phát triển bệnh UTCTC; 62,5% biết quan hệ tình dục với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm HPV. Tuy nhiên, chỉ 26,8% bà mẹ đã cho con gái tiêm vắc-xin HPV. Có 51,6% đã tìm hiểu thông tin về vắc-xin, nhưng chỉ 24,7% chủ động phổ biến kiến thức cho người khác. Phân tích cho thấy nhóm bà mẹ có kiến thức đầy đủ về HPV có tỷ lệ tiêm vắc-xin cho con cao hơn rõ rệt (40,1% so với 8,6%, $p < 0,001$). **Kết luận:** mặc dù phần lớn bà mẹ có nhận thức tương đối tốt về HPV và bệnh UTCTC, nhưng thực hành tiêm vắc-xin cho con gái vẫn còn hạn chế. Cần tăng cường truyền thông, giáo dục và vận động tiêm chủng để nâng cao tỷ lệ dự phòng UTCTC trong cộng đồng.

Từ khóa: Ung thư cổ tử cung

SUMMARY

KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND PRACTICES OF MOTHERS WITH DAUGHTERS AGED 9- 26 REGARDING HPV VIRUS AND HPV

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Mai

Email: domaiytc@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.5.2025

Ngày phản biện khoa học: 18.6.2025

Ngày duyệt bài: 23.7.2025

VACCINATION FOR CERVICAL CANCER PREVENTION IN SELECTED COMMUNES AND WARDS OF NAM DINH PROVINCE

Problem Statement: Cervical cancer (CC) ranks among the most prevalent cancers affecting women and is a leading cause of cancer mortality in numerous developing nations. The human papillomavirus (HPV) is the primary risk factor associated with this disease; however, access to HPV vaccination in Vietnam, particularly at the community level, remains insufficient. This study aims to evaluate the knowledge, attitudes, and practices of mothers with daughters aged 9 to 26 years concerning the HPV virus and HPV vaccination in various communes and wards in 2024. **Method:** A cross-sectional descriptive study was conducted involving 384 mothers with daughters within the specified age group across four communes and wards. Data collection was executed using structured questionnaires, with subsequent analysis conducted using SPSS Version 20.0 software. **Results:** The findings indicate that 78.1% of mothers acknowledged that cervical cancer prevention is achievable through HPV vaccination, 72.9% recognized HPV as a risk factor for cervical cancer, and 62.5% understood that having multiple sexual partners elevates the risk of HPV infection. Nevertheless, only 26.8% of mothers had administered the HPV vaccine to their daughters. Furthermore, 51.6% of participants had sought information about the vaccine, yet merely 24.7% actively disseminated knowledge to others. Statistical analysis revealed that mothers possessing adequate knowledge regarding HPV exhibited a significantly higher rate of vaccination for their daughters (40.1% vs. 8.6%, $p < 0.001$). **Conclusion:** Although a majority of mothers displayed a satisfactory level of awareness concerning HPV and cervical cancer, the actual vaccination rates among their daughters remain low. Therefore, it is imperative to enhance communication, education, and vaccination promotion strategies to improve the community's cervical cancer prevention efforts. **Keywords:** Cervical cancer

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là một trong những ung thư phổ biến nhất ở nữ giới và là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do ung thư tại nhiều quốc gia đang phát triển. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), mỗi năm trên thế giới có khoảng 600.000 ca mắc mới và hơn 300.000 ca tử vong do UTCTC, trong đó trên 85% trường hợp tử vong xảy ra ở các nước thu nhập thấp và trung bình. Virus papilloma ở người (HPV) là yếu tố nguy cơ chính gây UTCTC, lây truyền chủ yếu qua đường tình dục. Nghiên cứu cho thấy có tới 99,7% các trường hợp UTCTC liên quan đến nhiễm HPV dai dẳng. Tiêm vắc-xin phòng HPV là biện pháp dự phòng chủ động, hiệu quả cao, giúp giảm nguy cơ mắc UTCTC và được WHO khuyến cáo triển khai rộng rãi cho trẻ em gái từ 9-14 tuổi trước khi có quan hệ tình dục. Tại Việt Nam, chương trình tiêm vắc-xin đã được triển khai nhưng tỷ lệ bao phủ còn hạn chế do nhiều nguyên nhân như nhận thức cộng đồng chưa đầy đủ, rào cản về chi phí, sự e ngại về an toàn vắc-xin và thiếu thông tin chính thống. Đặc biệt, vai trò của các bà mẹ – người quyết định chính trong việc tiêm chủng cho con gái – có ý nghĩa then chốt trong việc nâng cao tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV. Xuất phát từ thực tiễn đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: *Thực trạng kiến thức, thái độ thực hành của bà mẹ có con gái trong độ tuổi 9 – 26 về virut HPV và tiêm vaccin HPV phòng UTCTC tại một số xã, phường của tỉnh Nam Định năm 2025.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành tại các xã Nam Điền, Hồng Quang, Nam Phong, Lộc Hòa từ tháng 2/2025 đến tháng 04/2025.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu được tính theo công thức

$$n = \frac{Z^2 p(1-p)}{e^2}$$

Với $Z = 1.96$, $p = 0.5$ và $e = 0.05$.

Mẫu tính được là 384 bà mẹ có con gái từ 9-26 tuổi. Mẫu được lấy chia đều tại 4 xã, phường; lấy mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên đơn tại các xã. Mỗi xã tiến hành phỏng vấn 96 bà mẹ đang sinh sống và có hộ khẩu tại xã đó

Dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi cấu trúc, xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua nghiên cứu 384 bà mẹ có con gái từ 9-26 tuổi tại 4 xã, phường cho thấy: độ tuổi trung bình là $42,3 \pm 5,8$ tuổi. Đa số có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên (68,2%), nghề nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông (32,8%) và công nhân, nhân viên văn phòng (26,6%). Tỷ lệ bà mẹ có từ 1-2 con chiếm 77,6%. Xét về độ tuổi con gái của họ, nhóm tuổi 9-14 chiếm 46,6%, nhóm tuổi 15-26 chiếm 53,4%.

Tỷ lệ đối tượng nghe và biết nguồn thông tin về vi-rút HPV: có 34,4% đối tượng nghe và biết nguồn thông tin về vi rút HPV từ nhân viên y tế; 30,7% từ internet (báo điện tử, mạng xã hội); 13,8% tivi, đài phát thanh; 12,2% bạn bè, người thân giới thiệu; 8,6% tài liệu truyền thông (tờ rơi, áp phích); 6,8% trường học (con gái học được, mẹ biết theo); thấp nhất từ các nguồn khác (hội thảo, chương trình cộng đồng...) là 5,2%.

Tỷ lệ đối tượng biết về nguy cơ mắc và đường lây truyền virus HPV: Tỷ lệ đối tượng biết HPV gây ung thư cổ tử cung chiếm tỷ lệ cao nhất 76,0%, tiếp đến là biết HPV lây qua đường tình dục là 66,2%; biết HPV có thể lây khi quan hệ không an toàn là 59,0%; không biết rõ về nguy cơ và đường lây chiếm tỷ lệ 26,3%; biết HPV có thể lây từ mẹ sang con là 22,4%.

Bảng 1. Kiến thức của bà mẹ về phòng ngừa và phát hiện sớm UTCTC liên quan đến virus HPV (n=384)

Nội dung kiến thức	Số người biết (n)	Tỷ lệ (%)
Biết bao cao su có hiệu quả bảo vệ phòng lây nhiễm virus HPV	180	46,9%
Biết quan hệ tình dục với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh UTCTC	240	62,5%
Biết HPV là một yếu tố nguy cơ dẫn đến phát triển bệnh UTCTC	280	72,9%
Biết UTCTC có thể phát hiện sớm qua sàng lọc UTCTC (Pap smear, VIA...)	200	52,1%
Biết UTCTC có thể phòng qua tiêm vắc-xin phòng HPV	300	78,1%

Kết quả bảng 1 cho thấy, tỷ lệ đối tượng biết UTCTC có thể phòng qua tiêm vắc-xin phòng HPV cao nhất chiếm 78,1%; biết HPV là một yếu tố nguy cơ dẫn đến phát triển bệnh UTCTC 72,9%, tỷ lệ đối tượng biết quan hệ tình dục với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh UTCTC là 62,5%.

Tỷ lệ đối tượng biết địa điểm có thể đến tiêm (n=384): đối tượng biết địa điểm có thể đến tiêm cao nhất là trung tâm tiêm chủng dịch vụ (64,6%); có 17,7% đối tượng biết địa điểm đến tiêm là trung tâm kiểm soát bệnh tật; có 14,6% biết địa điểm trạm y tế và chỉ có 3,1% đối tượng không biết.

Bảng 2. Mức độ lo lắng khả năng mắc UTCTC nếu bị nhiễm vi-rút HPV và về tác dụng phụ của vắc-xin phòng UTCTC

Mức độ lo lắng	Mắc UTCTC nếu bị nhiễm vi-rút HPV		Tác dụng phụ của vắc-xin phòng UTCTC	
	SL (n=384)	Tỷ lệ %	SL (n=384)	Tỷ lệ %
Rất lo lắng	161	41,9	76	19,8
Hơi lo lắng	138	35,9	165	43,0
Ít lo lắng	59	15,4	103	26,8
Không lo lắng	26	6,8	40	10,4

Qua bảng 2 cho thấy, mức độ lo lắng mắc UTCTC nếu giả sử nhiễm vi-rút HPV của đối tượng, tỷ lệ cao nhất là rất lo lắng với 41,9%; tỷ lệ đối tượng không lo lắng chiếm tỷ lệ thấp nhất là 6,8%

Bảng 3. Thái độ của đối tượng về tiêm vắc-xin HPV cho con gái

Nội dung	SL (n=384)	Tỷ lệ %
Quan tâm thông tin về vaccine HPV phòng UTCTC	305	79,4
Muốn biết thêm thông tin	368	95,8
Chủng vaccine HPV ngừa UTCTC là điều cần thiết	314	81,8
Sẽ chủng ngừa cho con gái dù giá vaccine tương đối cao	241	62,8
Tin rằng tiêm vaccine an toàn	326	84,9

Bảng 3 cho thấy, đa số đối tượng nghiên cứu muốn biết thêm thông tin (95,8%); có 79,4% đối tượng quan tâm thông tin về vaccine HPV phòng UTCTC; có 62,8% đối tượng cho biết sẽ chủng ngừa cho con gái dù giá vaccine tương đối cao.

Bảng 4. Thực hành về tiêm vaccin HPV cho con gái của các bà mẹ

Thực hành tiêm vaccin HPV	SL (n=384)	Tỷ lệ %
Đã tìm hiểu, theo dõi thông tin về vaccine HPV phòng UTCTC	198	51,6
Cho con gái đi tiêm phòng vaccine HPV	103	26,8
Phổ biến kiến thức cho người khác	95	24,7

Kết quả bảng 4 cho thấy có 26,8% bà mẹ đã cho con gái đi tiêm phòng vaccin HPV; 51,6% bà mẹ đã tìm hiểu, theo dõi thông tin về vaccin HPV phòng UTCTC; có 24,7% phổ biến kiến thức cho

người khác.

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức về HPV và thực hành tiêm vắc-xin HPV của bà mẹ (n=384)

Mức độ kiến thức về HPV	Đã cho con tiêm vắc-xin		Chưa tiêm		p
	SL (n=103)	Tỷ lệ %	SL (n=281)	Tỷ lệ %	
Đủ kiến thức	89	40,1	133	59,9	< 0,001
Chưa đủ kiến thức	14	8,6	148	91,4	

Bảng 5 cho thấy nhóm đủ kiến thức có 40,1% đã cho con tiêm vắc-xin, cao hơn rõ rệt so với nhóm chưa đủ kiến thức chỉ 8,6%. Nhóm chưa đủ kiến thức chủ yếu là chưa tiêm (91,4%). Điều này cho thấy kiến thức tốt về HPV có ảnh hưởng tích cực đến thực hành tiêm vắc-xin phòng ngừa UTCTC.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành trên 384 bà mẹ có con gái từ 9-26 tuổi tại 4 xã/phường cho thấy độ tuổi trung bình của đối tượng là $42,3 \pm 5,8$ tuổi. Đây là nhóm tuổi phù hợp để tiếp cận các thông tin về chăm sóc sức khỏe sinh sản và chủ động trong việc phòng bệnh cho con em mình. Tỷ lệ bà mẹ có trình độ từ trung học phổ thông trở lên chiếm 68,2%, cho thấy mặt bằng dân trí của địa phương nghiên cứu tương đối cao. Tuy nhiên, nghề nghiệp chủ yếu vẫn là lao động phổ thông (32,8%) và công nhân/nhân viên văn phòng (26,6%), phản ánh đặc điểm kinh tế xã hội của khu vực bán đô thị, nơi các yếu tố như tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin truyền thông còn hạn chế hơn so với đô thị lớn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 34,4% đối tượng nghe và biết nguồn thông tin về vi rút HPV từ nhân viên y tế; 30,7% từ internet (báo điện tử, mạng xã hội); thấp nhất từ các nguồn khác (hội thảo, chương trình cộng đồng...) là 5,2%; đối tượng biết HPV gây ung thư cổ tử cung chiếm tỷ lệ cao nhất 76,0%, tiếp đến là biết HPV lây qua đường tình dục là 66,2%; biết HPV có thể lây khi quan hệ không an toàn là 59,0%; không biết rõ về nguy cơ và đường lây chiếm tỷ lệ 26,3%; biết địa điểm có thể đến tiêm cao nhất là trung tâm tiêm chủng dịch vụ (64,6%); có 17,7% đối tượng biết địa điểm đến tiêm là trung tâm kiểm soát bệnh tật; có 14,6% biết địa điểm trạm y tế và chỉ có 3,1% đối tượng không biết

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức của bà mẹ về phòng ngừa và phát hiện sớm ung thư cổ tử cung (UTCTC) liên quan đến virus HPV còn

chưa thực sự đầy đủ, dù đã có những điểm khả quan. Cụ thể, tỷ lệ bà mẹ biết UTCTC có thể phòng ngừa bằng tiêm vắc-xin HPV đạt 78,1%, là con số cao nhất trong các nội dung được khảo sát. Điều này cho thấy các hoạt động truyền thông về tiêm vắc-xin phòng HPV trong thời gian qua đã bước đầu phát huy hiệu quả, giúp tăng cường nhận thức về vai trò của tiêm chủng trong phòng bệnh.

Tuy nhiên, tỷ lệ bà mẹ biết HPV là yếu tố nguy cơ chính gây phát triển bệnh UTCTC chỉ đạt 72,9%, trong khi đây là kiến thức nền tảng và rất quan trọng. Điều này cho thấy rằng, dù nhiều bà mẹ biết đến vắc-xin HPV, nhưng sự hiểu biết đầy đủ về mối liên hệ giữa HPV và UTCTC vẫn còn hạn chế. Đây là một lỗ hổng cần được bổ sung trong các chương trình giáo dục sức khỏe. Đáng chú ý, tỷ lệ đối tượng biết quan hệ tình dục với nhiều người làm tăng nguy cơ nhiễm HPV và UTCTC chỉ đạt 62,5%, cho thấy kiến thức về các yếu tố nguy cơ hành vi còn thấp. Việc nhận thức chưa đầy đủ về con đường lây truyền và các yếu tố nguy cơ quan trọng có thể dẫn đến sự chủ quan trong phòng bệnh và ảnh hưởng đến hành vi tiêm ngừa của các bà mẹ. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Tuyền và cộng sự (2024) [5] tại TP.HCM, khi tỷ lệ sinh viên nữ biết HPV là nguyên nhân gây UTCTC đạt 70,4%, và tỷ lệ biết về các yếu tố nguy cơ hành vi chỉ khoảng 65,8%. Điều này phản ánh thực trạng nhận thức chung của cộng đồng về HPV tại Việt Nam hiện nay, khi thông tin về vắc-xin được nhấn mạnh nhiều hơn trong truyền thông đại chúng, nhưng kiến thức căn bản về tác nhân gây bệnh và yếu tố nguy cơ chưa được trang bị đầy đủ. Bên cạnh đó, kết quả của nghiên cứu này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Lê Hữu Diễm Trinh (2023) tại Long Mỹ, Hậu Giang [3], khi tỷ lệ biết HPV là yếu tố nguy cơ của UTCTC chỉ đạt 68,2%. Điều này cho thấy vấn đề thiếu hụt kiến thức về HPV là phổ biến ở nhiều địa phương, không chỉ ở thành thị mà còn ở khu vực nông thôn.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người tham gia có nhận thức khá tốt về vaccine HPV và tầm quan trọng của việc phòng ngừa ung thư cổ tử cung. Cụ thể, 79,4% số người được hỏi quan tâm đến thông tin về vaccine HPV, cho thấy vấn đề này đã và đang nhận được nhiều sự chú ý từ cộng đồng. Con số này lớn hơn với nghiên cứu của Lâm Đức Tâm tại Cần Thơ (69,8%) [4]. Tỷ lệ 95,8% mong muốn được biết thêm thông tin về vaccine phản ánh nhu cầu rất lớn về truyền thông, tư vấn và giáo dục sức khỏe liên quan đến HPV và các bệnh lý do HPV gây ra, tỷ lệ này

tương đương với với nghiên cứu của Lâm Đức Tâm [4]. Điều này cũng cho thấy người dân có sự quan tâm nhưng vẫn thiếu kiến thức đầy đủ, cần được cung cấp thông tin một cách chính xác và dễ tiếp cận hơn. Đáng chú ý, 81,8% cho rằng việc chủng ngừa HPV là cần thiết, cho thấy sự đồng thuận cao về vai trò của vaccine trong dự phòng UTCTC. Tuy nhiên, khi xét đến yếu tố tài chính, chỉ có 62,8% sẵn sàng tiêm ngừa cho con gái dù giá vaccine tương đối cao, phản ánh rào cản chi phí vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các chính sách hỗ trợ tài chính hoặc chương trình tiêm chủng mở rộng để tăng khả năng tiếp cận cho người dân. Về mức độ tin tưởng, 84,9% tin rằng tiêm vaccine HPV là an toàn, một con số khả quan, tuy nhiên vẫn còn khoảng 15% số người được hỏi chưa thực sự yên tâm với tính an toàn của vaccine. Điều này cho thấy cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông dựa trên bằng chứng khoa học, cập nhật thông tin từ các tổ chức y tế uy tín nhằm củng cố niềm tin cho cộng đồng.

Mặc dù nhận thức và thái độ tốt, nhưng thực hành tiêm vaccine HPV trong thực tế còn nhiều hạn chế. Chỉ 51,6% người tham gia từng tìm hiểu, theo dõi thông tin về vaccine HPV, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ mong muốn được biết thêm. Đặc biệt, tỷ lệ thực hành tiêm phòng cho con gái chỉ đạt 26,8%, và chỉ 24,7% đã từng phổ biến kiến thức cho người khác. Sự chênh lệch rõ rệt giữa nhận thức - thái độ và hành vi thực hành có thể do nhiều yếu tố như: chi phí vaccine cao, thiếu chương trình hỗ trợ, lo ngại về tác dụng phụ, hoặc đơn giản là thói quen chủ quan, chưa coi trọng các biện pháp dự phòng sớm.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ kiến thức về HPV có mối liên quan chặt chẽ với hành vi tiêm vaccine cho con gái. Cụ thể, trong số những người có kiến thức đầy đủ về HPV, có đến 40,1% đã đưa con đi tiêm vaccine, trong khi đó tỷ lệ này chỉ là 8,6% ở nhóm chưa đủ kiến thức. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$, cho thấy kiến thức chính xác về HPV đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi tiêm phòng.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành với đối tượng là bà mẹ có con gái từ 9 đến 26 tuổi, nhận thức và thái độ về vaccine HPV phòng ung thư cổ tử cung nhìn chung tích cực, với đa số quan tâm và tin tưởng vào tính cần thiết cũng như độ an toàn của vaccine. Tuy nhiên, tỷ lệ bà mẹ đã thực sự cho con gái đi tiêm vaccine còn thấp (26,8%). Mức độ kiến thức đầy đủ về HPV được chứng

minh là yếu tố quan trọng thúc đẩy hành vi tiêm phòng cho con gái, khi bà mẹ hiểu biết tốt về HPV có khả năng cao hơn nhiều trong việc quyết định tiêm vaccine cho con. Kết quả này cho thấy việc nâng cao kiến thức khoa học, cung cấp thông tin chính xác và dễ hiểu về HPV và lợi ích của vaccine trong nhóm đối tượng này là rất cần thiết. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ tài chính hoặc các chương trình tiêm chủng miễn phí sẽ góp phần quan trọng trong việc tăng tỷ lệ tiêm chủng, nhằm phòng ngừa hiệu quả ung thư cổ tử cung trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế.** Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ung thư cổ tử cung. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2020.
2. **Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).** Human papillomavirus (HPV) and cervical cancer. [Internet]. 2023 [cited 2025 May 16]. Available from: [https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/human-papillomavirus-\(hpv\)-and-cervical-cancer](https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/human-papillomavirus-(hpv)-and-cervical-cancer)
3. **Lê Hữu Diễm Trinh và CS.** Thực hành và các yếu tố liên quan đến việc tiêm ngừa vaccine HPV ở học sinh trung học phổ thông Long Mỹ tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2023
4. **Lâm Đức Tâm và CS.** Kiến thức, thái độ, thực hành của bà mẹ có con gái trong độ tuổi 1-26 về chủng vaccine HPV ngừa ung thư cổ tử cung tại Phường An Bình, Ninh Kiều, Cần thơ
5. **Nguyễn Ngọc Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Trinh.** Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vaccine HPV của sinh viên nữ trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2024
6. **Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC).** HPV vaccination recommendations. [Internet]. 2023 [cited 2025 May 16]. Available from: <https://www.cdc.gov/vaccines/vpd/hpv/hcp/recommendations.html>
7. **Trương Thị Ánh Nguyệt và CS.** Tình hình tiêm vaccine HPV của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại Đà Nẵng.
8. **Phạm Thị Dung, Nguyễn Văn D.** Kiến thức và thực hành tiêm vắc xin phòng HPV của phụ nữ trong độ tuổi sinh sản tại tỉnh Hậu Giang năm 2023. Tạp chí Y học Việt Nam. 2024; (4): 85-92.

PHÁT HIỆN TÁC NHÂN VI SINH BẰNG MULTIPLEX REAL-TIME PCR Ở BỆNH NHÂN VIÊM PHỔI CỘNG ĐỒNG NẶNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ

Phan Hồng Thảo Vy¹, Đỗ Hoàng Long¹, Lê Minh Nhân¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm phổi cộng đồng là một bệnh lý thường gặp và có tỷ lệ tử vong cao trên toàn thế giới. Hiện nay, viêm phổi cộng đồng nặng thường có sự phối hợp của nhiều tác nhân. Tuy nhiên một số tác nhân không thể phát hiện được bằng phương pháp nuôi cấy do tính chất khó mọc của chúng. Multiplex real-time PCR là một trong số kỹ thuật có độ nhạy và độ đặc hiệu cao hỗ trợ xác định các tác nhân vi sinh gây viêm phổi cộng đồng nặng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ tác nhân vi sinh được phát hiện trên mẫu đàm bệnh nhân viêm phổi cộng đồng nặng bằng kỹ thuật multiplex real-time PCR. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 51 bệnh nhân được chẩn đoán viêm phổi cộng đồng nặng nhập viện tại khoa Nội Hô hấp Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ từ tháng 12/2024 - 05/2025. **Kết quả:** Có 47/51 mẫu đàm có kết quả dương tính với các tác nhân vi sinh chiếm tỷ lệ 92,2%. Trong đó hầu hết các bệnh nhân viêm phổi cộng đồng nặng có tình trạng đồng nhiễm 3 loại tác nhân với tỷ lệ 76,5%. Tỷ lệ tác nhân vi sinh

được phát hiện cao nhất trong mẫu đàm là tác nhân vi-rút chiếm 88,2%, vi khuẩn chiếm 68,6% và vi nấm 51%. Tác nhân vi khuẩn Gram âm chiếm đa số với tỷ lệ 58,8%, trong đó *K. pneumoniae* chiếm 23,5% và *A. baumannii* 21,6%. **Kết luận:** Tỷ lệ tác nhân vi sinh được phát hiện là 92,2%, trong đó tỷ lệ đồng nhiễm là 76,5%. Tỷ lệ mẫu nhiễm vi-rút, vi khuẩn và vi nấm theo thứ tự lần lượt là 88,2%, 68,6% và 51%.

Từ khóa: viêm phổi cộng đồng nặng, tác nhân vi sinh, multiplex real-time PCR.

SUMMARY

DETECTION OF MICROBIAL AGENTS USING MULTIPLEX REAL-TIME PCR IN PATIENTS WITH SEVERE COMMUNITY-ACQUIRED PNEUMONIA AT CAN THO CENTRAL GENERAL HOSPITAL

Background: Community-acquired pneumonia (CAP) is a common disease with a high mortality rate worldwide. Currently, severe CAP is often caused by a combination of multiple pathogens. However, some pathogens cannot be detected by traditional culture methods due to their fastidious growth characteristics. Multiplex real-time PCR is a highly sensitive and specific technique that supports the identification of microbial agents causing severe CAP. **Objective:** To determine the proportion of microbial agents detected in sputum samples of patients with severe CAP using multiplex real-time PCR. **Subjects and methods:** A

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Hoàng Long

Email: dhlone@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 19.5.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.6.2025

Ngày duyệt bài: 22.7.2025